

Số: /KH-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 11 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phát triển ngành chăn nuôi đến năm 2030 trên địa bàn Bắc Ninh

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1625/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 về việc phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi đến năm 2030; số 1740/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 về việc phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi đến năm 2030; số 1741/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 về việc phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi đến năm 2030; số 1742/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 về việc phê duyệt Đề án ưu tiên đẩy mạnh hoạt động Khoa học và Công nghệ ngành chăn nuôi đến năm 2030; số 587/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 về việc phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi đến năm 2030;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): số 898/QĐ-BNN-CN ngày 02/4/2024 về việc phê duyệt Đề án Phát triển bền vững ngành Ong đến năm 2030; số 2486/QĐ-BNN-CN ngày 19/7/2024 về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án Phát triển công nghiệp chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi đến năm 2030; số 2487/QĐ-BNN-CN ngày 19/7/2024 về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án Phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi đến năm 2030; số 2488/QĐ-BNN-CN ngày 19/7/2024 về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án Phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi đến năm 2030; số 2848/QĐ-BNN-CN ngày 16/8/2024 về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến thị trường sản phẩm chăn nuôi đến năm 2030; số 3490/QĐ-BNN-CN ngày 15/10/2024 về việc ban hành Kế hoạch Đề án ưu tiên “Đẩy mạnh hoạt động Khoa học và Công nghệ ngành chăn nuôi đến năm 2030”.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phát triển ngành chăn nuôi đến năm 2030 trên địa bàn Bắc Ninh, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả những mục tiêu, nội dung các Đề án được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) đã phê duyệt, phù hợp với tình hình thực tiễn, điều kiện của tỉnh Bắc Ninh.

2. Mục tiêu trọng tâm, cụ thể

- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong chế biến các loại phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp, chế biến thực phẩm... làm thức ăn chăn nuôi theo hướng công nghiệp hóa, nâng cao giá trị sử dụng và hiệu quả kinh tế. Sản lượng thức ăn chăn nuôi công nghiệp sử dụng chiếm tối thiểu 90% tổng nhu cầu thức ăn chăn nuôi toàn tỉnh;

- Tăng cường năng lực sản xuất giống vật nuôi tại chỗ. Đến năm 2030, tỉnh có thể chủ động sản xuất và đáp ứng tối thiểu 95% nhu cầu về giống lợn; 85% nhu cầu về giống gia cầm. Khai thác và phát triển nguồn gen giống bản địa theo hướng sản xuất hàng hóa có hiệu quả gắn với du lịch sinh thái; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các giống vật nuôi bản địa chất lượng cao, có lợi thế vùng miền. Nhập khẩu các giống vật nuôi cấp cụ kỵ, ông bà, giống thuần có năng suất cao để làm tươi máu và cải tạo năng suất các giống vật nuôi hiện có;

- Áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học công nghệ trong các lĩnh vực: chọn tạo giống vật nuôi, chuồng trại, quản lý chất thải chăn nuôi; chế biến các sản phẩm chăn nuôi như thịt, trứng, sữa, mật ong và các sản phẩm giết mổ. Tỷ lệ giá trị sản phẩm chăn nuôi được sản xuất theo quy trình sản xuất tốt hoặc tương đương đạt 60% trở lên. Tổng đàn vật nuôi được nuôi theo quy mô trang trại chiếm trên 65% tổng đàn vật nuôi của tỉnh. Đối với vật nuôi chủ lực của tỉnh (lợn, gà) phát triển chủ đạo là sản xuất hàng hoá quy mô trang trại, tập trung, công nghiệp, bán công nghiệp, áp dụng công nghệ cao; đảm bảo xa cộng đồng dân cư, an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và sản xuất theo chuỗi liên kết;

- Chăn nuôi trang trại quy mô vừa, quy mô lớn sử dụng chuồng trại với trang thiết bị hiện đại đạt trên 70%; trang trại chăn nuôi lợn, gia cầm có chuồng kín đạt trên 80%. Áp dụng biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi, xây dựng công trình khí sinh học của hộ chăn nuôi đạt trên 90%;

- Phát triển cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm quy mô tập trung, công nghiệp với thiết bị tiên tiến, công nghệ hiện đại phục vụ tiêu dùng trong nước và hướng đến xuất khẩu; 100% cơ sở giết mổ, cơ sở chế biến sản phẩm chăn nuôi tập trung có công trình xử lý chất thải phù hợp, không gây ô nhiễm môi trường;

- Phát triển nghề nuôi ong hàng hóa, dịch vụ gắn với sinh thái theo hướng chuyên nghiệp hóa, hiện đại hoá, đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, truy xuất nguồn gốc, thân thiện môi trường, đáp ứng yêu cầu chất lượng, an toàn thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; duy trì số lượng từ 70.000 - 75.000 đàn, tổng sản lượng mật ong đạt trên 570 tấn/năm.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác thông tin, tuyên truyền

Tuyên truyền, phổ biến 05 Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt lĩnh vực chăn nuôi, thú y đến năm 2030, 01 Đề án Phát triển bền vững ngành Ong đến năm 2030 được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê

duyet; Kế hoạch triển khai Đề án của Bộ Nông nghiệp và PTNT và triển khai các Kế hoạch này đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan. Giúp các cấp các ngành và nhất là các cơ sở chăn nuôi hiểu được các nội dung của Đề án là tất yếu, khách quan trong tình hình mới, từ đó đổi mới tư duy sản xuất, từ bỏ thói quen, tập quán chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán, thụ động, đổi mới tư duy dám nghĩ, dám làm với quy mô lớn, hàng hóa, ứng dụng đồng bộ khoa học công nghệ kỹ thuật, hướng đến phát triển sản xuất chăn nuôi hàng hóa, bền vững, bảo vệ môi trường.

2. Phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi

- Đánh giá thực trạng về công nghệ trong sản xuất thức ăn chăn nuôi của tỉnh để khuyến cáo đầu tư, đổi mới công nghệ sản xuất thức ăn chăn nuôi theo hướng đồng bộ, hiện đại, hiệu quả. Trong đó ưu tiên phát triển công nghiệp sản xuất các loại thức ăn bổ sung và chế biến các loại phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp làm thức ăn chăn nuôi;

- Ứng dụng công nghệ sản xuất các loại nguyên liệu thức ăn giàu đạm, thức ăn bổ sung, phụ gia, phụ phẩm công - nông nghiệp và thủy sản, chế phẩm sinh học, thảo dược, hợp chất thiên nhiên an toàn và thân thiện môi trường; nghiên cứu sản xuất thức ăn chăn nuôi, thức ăn bổ sung, chế phẩm sinh học nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, thay thế kháng sinh trong chăn nuôi; các nguồn đạm thay thế cho sản xuất thức ăn chăn nuôi; nghiên cứu xây dựng khẩu phần ăn, chế biến phụ phẩm công nghiệp - nông nghiệp và thủy sản làm thức ăn và sản xuất thức ăn mới. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học tạo sản phẩm có giá trị dinh dưỡng cao, nâng cao chất lượng sản phẩm;

- Rà soát ban hành cơ chế, chính sách để khuyến khích đầu tư, nhập khẩu, chuyển giao công nghệ, hoàn thiện công nghệ, xây dựng cơ sở sản xuất một số loại thức ăn bổ sung và chế biến các loại phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp, chế biến thực phẩm... làm thức ăn chăn nuôi.

3. Phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi

a) Ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sinh học để sản xuất và quản lý giống vật nuôi:

- Hỗ trợ các cơ sở sản xuất giống áp dụng công nghệ thông tin, công nghệ tự động hóa bằng một phần mềm chuyên dụng cho quản lý dữ liệu giống gốc quốc gia để quản lý thông tin, có khả năng kết nối liên thông giữa các cơ sở giống phục vụ công tác chọn lọc, nhân giống, sản xuất giống cho từng đối tượng vật nuôi chính và công tác quản lý nhà nước về giống vật nuôi, bảo đảm công khai, minh bạch;

- Tất cả các cơ sở sản xuất giống vật nuôi bắt buộc phải áp dụng phần mềm quản lý dữ liệu giống quốc gia, thường xuyên cập nhật thông tin dữ liệu, gắn mã định danh để phục vụ cho việc truy xuất nguồn gốc trong quản lý giống vật nuôi;

- Áp dụng công nghệ gen vào chọn tạo giống vật nuôi, đẩy nhanh tiến bộ di truyền để công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong công tác tạo dòng, tạo giống,

nhân giống và phát triển giống vật nuôi;

- Nghiên cứu chọn tạo giống vật nuôi chủ lực bằng công nghệ cao, nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực chọn tạo giống vật nuôi. Nghiên cứu chọn tạo giống vật nuôi chủ lực có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, ưu tiên chọn lọc đàn hạt nhân để nâng cao chất lượng hệ thống giống. Phục tráng và phát triển một số giống vật nuôi bản địa (gà Hồ thuần...) có năng suất, chất lượng và giá trị kinh tế cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; áp dụng phương pháp chọn lọc tiên tiến kết hợp với điều kiện chăn nuôi bằng công nghệ cao để chọn tạo các bộ giống gia cầm bản địa đủ sức cạnh tranh với các giống gia cầm nhập nội.

b) Phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi với quy mô lớn, đồng bộ:

- Tăng cường năng lực một số cơ sở sản xuất giống vật nuôi với quy mô công nghiệp theo hướng đối tác công tư;

- Nghiên cứu, cải tạo, tiếp cận các giống vật nuôi có năng suất cao (cấp cụ ky, cấp ông bà, giống thuần) để làm tươi máu và nâng cao năng suất đàn giống vật nuôi làm cơ sở cho việc ứng dụng phương pháp chọn giống theo hệ gen;

- Điều tra, rà soát, tuyển chọn một số giống vật nuôi chủ đạo, có giá trị kinh tế cao; xây dựng phần mềm, ước tính giá trị giống, chọn lọc và quản lý tại cơ sở sản xuất giống, cơ sở chăn nuôi theo hình tháp 3 cấp: đàn hạt nhân - đàn sản xuất - đàn thương phẩm;

c) Khai thác, phát triển nguồn gen giống vật nuôi bản địa theo hướng hàng hóa, xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu theo lợi thế vùng miền gắn với du lịch:

- Tập trung phát triển, phân tích, phục tráng, bảo tồn; khai thác và phát triển có hiệu quả các giống bản địa có nguồn gen quý, các đối tượng vật nuôi đặc thù, lợi thế, cung cấp vật liệu di truyền để nhân giống, lai tạo giống phù hợp với nhu cầu sản xuất theo phân khúc thị trường trong nước và xuất khẩu;

- Tập trung sản xuất một số giống gia cầm bản địa phù hợp với nhu cầu phát triển thị trường (gà Hồ thuần,...).

d) Tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho các cơ quan quản lý, cơ sở lưu giữ và nhân giống vật nuôi:

- Đầu tư xây dựng một số cơ sở sản xuất giống vật nuôi có cơ sở vật chất đồng bộ, ứng dụng công nghệ cao để thu thập, quản lý thông tin, dữ liệu cho từng đối tượng giống vật nuôi; ứng dụng công nghệ cao trong công tác chọn giống, sản xuất giống, quản lý nguồn gen và chất lượng giống vật nuôi;

- Nâng cấp, tăng cường năng lực và hiện đại hóa cơ sở vật chất của một số đơn vị nuôi giữ giống gốc phục vụ công tác chọn lọc giống;

- Tăng cường xã hội hóa, ứng dụng mã số, mã vạch phục vụ công tác truy xuất nguồn gốc và quản lý chất lượng giống; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp giống vật nuôi theo hình thức đối tác công tư;

- Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho công tác quản lý giống vật nuôi, chuyển giao công nghệ và quản lý trang trại giống vật nuôi.

d) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng giống vật nuôi:

- Tăng cường năng lực, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ về chất lượng giống vật nuôi nhập khẩu và giống vật nuôi lưu thông trong tỉnh;

- Nâng cao vai trò hội, hiệp hội trong công tác kiểm soát, đánh giá chất lượng giống, xác nhận nguồn gốc chất lượng giống vật nuôi.

4. Phát triển công nghiệp chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi

a) Nghiên cứu, thiết kế, phát triển công nghiệp phụ trợ chế tạo, sản xuất trang thiết bị chuồng trại hiện đại, đồng bộ và hạn chế ô nhiễm môi trường:

- Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm trang thiết bị chuồng trại, xử lý chất thải chăn nuôi cho quy mô chăn nuôi trang trại;

- Xây dựng các nội dung, chương trình đào tạo liên quan đến chuồng trại và xử lý chất thải trong chăn nuôi;

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ chuồng trại, quản lý chất thải chăn nuôi nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và giảm thiểu ô nhiễm môi trường để phát triển chăn nuôi bền vững.

b) Nghiên cứu đổi mới công nghệ về quy trình chăn nuôi và chuồng trại chăn nuôi theo hướng tự động hóa:

- Nâng cao năng lực, xây dựng tài liệu các quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP), chăn nuôi hữu cơ, chứng nhận an toàn sinh học;

- Nghiên cứu phát triển và đổi mới hệ thống chuồng trại đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh trong hoạt động chăn nuôi.

c) Khuyến khích áp dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới để xử lý chất thải chăn nuôi:

- Nghiên cứu phát triển công nghệ cao, công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch trong việc xử lý chất thải chăn nuôi và sản xuất phân bón hữu cơ từ chất thải chăn nuôi;

- Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực quản lý chất thải chăn nuôi theo hướng phòng ngừa chủ động;

- Hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi áp dụng công nghệ cao, công nghệ mới để xử lý chất thải chăn nuôi.

d) Phát triển mô hình chăn nuôi tuần hoàn, nâng cao hiệu quả kinh tế sinh thái chăn nuôi:

- Đánh giá, hoàn thiện quy trình chăn nuôi tuần hoàn đối với các vật nuôi chủ lực gắn với mô hình VietGAHP, an toàn sinh học để phát triển bền vững, kéo dài chuỗi giá trị chăn nuôi. Triển khai các mô hình chăn nuôi theo quy trình

chăn nuôi kinh tế tuần hoàn, quy trình chăn nuôi 4F (Feed - Farm - Food - Fertilizer) an toàn sinh học theo hướng dẫn của Cục Chăn nuôi và Thú y trên địa bàn tỉnh;

- Đổi mới công nghệ về quy trình chăn nuôi và chuồng trại chăn nuôi theo hướng tự động hóa cao nhằm giảm thiểu thấp nhất những tác động bất lợi của ngoại cảnh đối với vật nuôi, cũng như những tác động tiêu cực do chăn nuôi gây ra với môi trường;

- Chuyên hóa chất thải chăn nuôi thành mô hình sản xuất phân bón hữu cơ hoặc mô hình côn trùng, sinh vật làm thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế sinh thái chăn nuôi.

5. Phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường

- Rà soát, phân loại tổng thể các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và nhỏ lẻ; tăng cường các hoạt động quản lý nhằm đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn dịch bệnh và an toàn chất lượng sản phẩm theo quy định;

- Hỗ trợ phát triển và kết nối bảo đảm nguồn nguyên liệu đầu vào cho các cơ sở giết mổ tập trung, công nghiệp, công nghệ tiên tiến gắn với chế biến, thương mại sản phẩm;

- Kiểm soát việc tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh thú y, chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và đối xử nhân đạo với vật nuôi tại các cơ sở giết mổ, đáp ứng quy định của Việt Nam cũng như đáp ứng các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết;

- Đổi mới nội dung và hình thức xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế các sản phẩm chăn nuôi; nâng cao năng lực liên kết, hình thành các kênh lưu thông, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi ổn định; xây dựng các chương trình quảng bá thương hiệu một số sản phẩm chăn nuôi chủ lực và lợi thế tại các thị trường trọng điểm, có tiềm năng;

- Ứng dụng công nghệ chế biến, bảo quản các sản phẩm chăn nuôi như thịt, trứng, sữa, mật ong và các sản phẩm giết mổ đảm bảo đa dạng hóa sản phẩm phục vụ tiêu dùng nội địa và hướng tới xuất khẩu. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, quản lý, truy xuất nguồn gốc chuỗi cung ứng sản phẩm đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm.

6. Phát triển bền vững ngành Ong

- Xây dựng hệ thống quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu chăn nuôi ong tại địa phương để phục vụ truy xuất nguồn gốc;

- Hàng năm, triển khai chương trình, kế hoạch kiểm tra giám sát vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh đối với cơ sở nuôi ong, thu mua, sơ chế, chế biến mật ong phục vụ mục đích thương mại;

- Điều tra về trữ lượng cây nguồn mật, cây nguồn phấn ở địa phương để làm căn cứ kiểm soát số lượng đàn ong mật có mật phù hợp tại địa phương;

- Tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án phát triển bền vững ngành ong phù hợp với điều kiện tại địa phương.

III. CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN

1. Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình triển khai các dự án, nhiệm vụ ưu tiên theo các Quyết định: số 1625/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi đến năm 2030; số 1740/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi đến năm 2030; số 1741/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi đến năm 2030; số 1742/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 về việc phê duyệt Đề án ưu tiên đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ ngành chăn nuôi đến năm 2030; số 587/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 về việc phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi đến năm 2030; số 898/QĐ-BNN-CN ngày 02/4/2024 phê duyệt Đề án Phát triển bền vững ngành Ong đến năm 2030.

2. Nhiệm vụ ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

IV. DỰ KIẾN NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Huy động đa dạng nguồn vốn và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện:

1. Nguồn ngân sách Nhà nước cấp hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành;
2. Kinh phí lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, đề án, dự án đầu tư giai đoạn 2025-2030;
3. Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
4. Nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các xã, phường đề xuất điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn;
- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các xã, phường hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện các cơ chế chính sách của Trung ương và của tỉnh về thu hút đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất giống vật nuôi; khoa học công nghệ ngành chăn nuôi trên địa bàn tỉnh;
- Phối hợp với Sở Tài Chính thực hiện công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất thức ăn bổ sung, áp dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong chế biến các loại phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp làm thức ăn chăn nuôi; sản xuất giống mới; ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất giống vật nuôi;
- Phối hợp và làm đầu mối của tỉnh phối hợp Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các dự án, nhiệm vụ ưu tiên có liên quan trên địa bàn tỉnh;

- Phối hợp với các Sở, ngành và địa phương tổ chức tập huấn tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ quản lý, tổ chức, cá nhân những quy định của pháp luật về thức ăn chăn nuôi, giống vật nuôi theo Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn có liên quan;

- Chủ trì hướng dẫn chuyển đổi mục đích sử dụng đất; điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất chăn nuôi đến năm 2030 của tỉnh.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương, các đơn vị có liên quan căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương tham mưu báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành để thực hiện Kế hoạch;

- Căn cứ nguồn hỗ trợ của ngân sách Trung ương, của tỉnh, các quy định pháp luật về đầu tư công và trên cơ sở đề xuất của các Sở, ngành, UBND các xã, phường tổ chức thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định bố trí kinh phí theo quy định của pháp luật.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc đề xuất, đặt hàng các nội dung nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có liên quan đến phát triển ngành chăn nuôi của tỉnh đến năm 2030;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai các giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào ngành chăn nuôi, trong đó ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi, phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi của tỉnh;

- Thực hiện thẩm định công nghệ, thiết bị có liên quan đến chế biến thức ăn chăn nuôi, sản xuất giống vật nuôi thuộc thẩm quyền, xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng;

- Tăng cường hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thương hiệu, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm chăn nuôi chủ lực; hỗ trợ triển khai truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chăn nuôi, sản xuất chăn nuôi theo hướng ứng dụng công nghệ cao, kinh tế tuần hoàn, phát triển chuỗi giá trị sản phẩm nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Phối hợp và làm đầu mối triển khai thực hiện các đề tài, dự án của Bộ Khoa học và Công nghệ có liên quan trên địa bàn tỉnh; phối hợp triển khai các nhiệm vụ, đề tài, dự án ưu tiên được giao tại Kế hoạch này.

4. Sở Công Thương

- Tổ chức chương trình xúc tiến thương mại, trong đó có các sản phẩm chăn nuôi sau sơ chế, chế biến nhằm kích cầu tiêu dùng;

- Làm đầu mối của tỉnh phối hợp Bộ Công thương thực hiện các dự án, nhiệm vụ ưu tiên có liên quan trên địa bàn tỉnh; phối hợp triển khai các nhiệm vụ, dự án ưu tiên được giao tại Kế hoạch này.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Tuyên truyền, phổ biến nội dung các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi nêu trên

- Căn cứ nội dung Kế hoạch và điều kiện thực tế của địa phương, UBND các xã, phường triển khai thực hiện các cơ chế chính sách của Trung ương và của tỉnh về thu hút đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất giống vật nuôi; khoa học và công nghệ ngành chăn nuôi trên địa bàn. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện, hàng năm tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

6. Các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp

Chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương và các cơ quan liên quan để triển khai thực hiện các dự án; huy động nguồn vốn để tham gia các dự án ưu tiên; kịp thời phản ánh những tồn tại bất cập đến cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện;

Trong quá trình thực hiện, phát sinh khó khăn, vướng mắc các địa phương, đơn vị gửi văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KT, KTN, TTTT, TKCT;
 - + Lưu: VT, NN Thăng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Xuân Lợi

PHỤ LỤC I: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Công tác thông tin tuyên truyền			
	<p>- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: số 1625/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi đến năm 2030; số 1740/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi đến năm 2030; số 1741/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi đến năm 2030; số 1742/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 về việc phê duyệt Đề án ưu tiên đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ ngành chăn nuôi đến năm 2030; số 587/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 về việc phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi đến năm 2030; số 898/QĐ-BNN-CN ngày 02/4/2024 phê duyệt Đề án Phát triển bền vững ngành Ong đến năm 2030;</p> <p>- Tuyên truyền phổ biến các chủ trương, cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi, thú y, các kế hoạch, đề án, chương trình trọng điểm về chăn nuôi, thú y của tỉnh.</p>	Các Sở, ban, ngành liên quan của tỉnh, UBND xã, phường	Các cơ quan có liên quan	2025-2030
2	Nâng cao công tác quản lý nhà nước về chăn nuôi, thú y			
2.1	<p>Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tập huấn về quy định của Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn triển khai Luật có liên quan để nâng cao nhận thức, chấp hành của tổ chức, cá nhân trong hoạt động chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi.</p>	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban ngành, UBND các xã phường và các tổ chức, cá nhân liên quan	2025-2030

2.2	Tăng cường quản lý, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động: chăn nuôi; sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi và quản lý chất thải chăn nuôi theo quy định của pháp luật.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban ngành, UBND các xã phường và các tổ chức, cá nhân liên quan	2025-2030
3	Cơ chế chính sách			
	Định kỳ rà soát, xây dựng và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển chăn nuôi. Trong đó, ưu tiên triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất giống vật nuôi chủ lực và giống đặc sản của địa phương; các mô hình chăn nuôi theo quy trình chăn nuôi kinh tế tuần hoàn, quy trình chăn nuôi 4F an toàn sinh học trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban ngành, UBND các xã phường và các tổ chức, cá nhân liên quan	2025-2030
4	Ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất giống vật nuôi, xử lý chất thải chăn nuôi và quản lý hoạt động chăn nuôi			
4.1	Triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu tiếp nhận công nghệ trong sản xuất thức ăn chăn nuôi, thức ăn bổ sung, chế biến các loại phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp làm thức ăn chăn nuôi mới; ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ tiên tiến trong sản xuất giống vật nuôi chủ lực và đặc sản của địa phương.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban ngành, UBND các xã phường và các tổ chức, cá nhân liên quan	2025-2030
4.2	Hỗ trợ bảo hộ sở hữu trí tuệ, bí quyết và giải pháp công nghệ, thúc đẩy phát triển thương hiệu các sản phẩm chăn nuôi chủ lực, sản phẩm chăn nuôi của giống vật nuôi bản địa (gà Hồ thuần,...).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành, UBND các xã phường và các tổ chức, cá nhân liên quan	2025-2030
4.3	Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình sản xuất; áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (HACCP, ISO, ...) trong các cơ sở sản xuất giống vật nuôi.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường	Các Sở, ban, ngành và các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan	2025-2030
4.4	Tập trung phát triển, phân tích, phục tráng, bảo tồn, khai thác và phát triển có hiệu quả các giống bản địa có nguồn gen quý, các đối tượng vật nuôi đặc thù, lợi thế, cung cấp vật liệu di truyền để nhân giống, lai tạo giống phù hợp với nhu cầu sản xuất theo phân khúc thị trường trong nước.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban ngành, UBND các xã phường và các tổ chức, cá nhân liên quan	2025-2030

4.5	Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch trong việc xử lý chất thải chăn nuôi, quản lý chất thải chăn nuôi theo hướng phòng ngừa chủ động; giảm thiểu tại nguồn; ứng dụng giải pháp sản xuất sạch hơn; tuần hoàn chất thải chăn nuôi.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường	Các Sở, ban ngành và các tổ chức, cá nhân liên quan	2025-2030
5	Phát triển chăn nuôi tập trung, hiệu quả, bền vững; xây dựng các mô hình chăn nuôi theo kinh tế tuần hoàn, công nghệ cao, liên kết theo chuỗi giá trị, chăn nuôi hữu cơ phát thải thấp; phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường			
5.1	Rà soát, bố trí quỹ đất để xây dựng các trang trại chăn nuôi quy mô lớn, cơ sở giết mổ tập trung với công nghệ hiện đại, tiên tiến.	UBND các xã, phường	Các Sở, ban ngành và các tổ chức, cá nhân liên quan	2025-2030
5.2	Xây dựng và nhân rộng các mô hình chăn nuôi 4F an toàn sinh học, chăn nuôi hữu cơ để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và thân thiện môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban ngành, UBND các xã phường và các tổ chức, cá nhân liên quan	2025-2030
5.3	Tăng cường sản xuất chăn nuôi theo chuỗi liên kết, trong đó các doanh nghiệp đóng vai trò dẫn dắt, để nâng cao hiệu quả, phát triển chăn nuôi bền vững.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban ngành, UBND các xã phường và các tổ chức, cá nhân liên quan	2025-2030
5.4	Rà soát, phân loại tổng thể các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và nhỏ lẻ; tăng cường quản lý hoạt động giết mổ, chế biến để đảm bảo về điều kiện vệ sinh thú y, an toàn dịch bệnh, truy xuất nguồn gốc và an toàn thực phẩm.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban ngành, UBND các xã phường và các tổ chức, cá nhân liên quan	2025-2030
5.5	Đổi mới nội dung và hình thức xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế các sản phẩm chăn nuôi; nâng cao năng lực liên kết, hình thành các kênh lưu thông, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi ổn định; xây dựng các chương trình quảng bá thương hiệu một số sản phẩm chăn nuôi chủ lực và lợi thế của tỉnh tại các thị trường trọng điểm, có tiềm năng.	Sở Công Thương	Các Sở, ban ngành, UBND các xã phường và các tổ chức, cá nhân liên quan	2025-2030

